

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/HNGĐ-PT

Ngày 26 - 8 - 2019

V/v: *Xin ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Tuấn Long.

Các Thẩm phán: Ông Lò Văn Diệt, bà Tòng Thị Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La: Bà Phạm Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2019/HNGĐ-PT ngày 07 tháng 8 năm 2019 về việc xin ly hôn. Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 31/2019/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Mường La bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 12/2019/QĐXXPT-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lò Thị S. Địa chỉ: Bản T, xã Pi Toong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Lò Văn Q. Địa chỉ: Bản T, xã Pi Toong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Ngân hàng chính sách xã hội huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Lò Văn H. Địa chỉ: Bản Toong, xã Pi Toong, huyện Mường La, tỉnh

Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

+ Bà Lò Thị Đ. Địa chỉ: Bản Toong, xã Pi Toong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. (Tòa án không triệu tập).

+ Anh Lò Văn K. Địa chỉ: Bản Toong, xã Pi Toong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. (Tòa án không triệu tập).

+ Anh Lò Văn Th. Địa chỉ: Bản Toong, xã Pi Toong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. (Tòa án không triệu tập).

+ Bà Trịnh Thị T. Địa chỉ: Tiểu khu 1, thị trấn Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. (Tòa án không triệu tập).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn anh Lò Văn Quỳnh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Lò Thị S trình bày:*

Chị và anh Lò Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, kết hôn từ ngày 14/11/2008 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Pi Toong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Quá trình chung sống, hòa thuận thời gian đầu, sau phát sinh mâu thuẫn do anh Lò Văn Q chơi cờ bạc và có bạo lực gia đình. Mâu thuẫn đã được gia đình và chính quyền địa phương hòa giải nhưng không thành, anh chị đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu ly hôn với anh Lò Văn Q.

Về con chung: Anh chị có hai con là cháu Lò Thị T, sinh ngày 12/11/2009; Lò Văn T, sinh ngày 08/03/2010, chị xin trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu Lò Thị T. Chị không yêu cầu anh Lò Văn Q cấp dưỡng nuôi con và cũng tùy vào nguyện vọng của các con.

Về tài sản chung: Hai vợ chồng đã thỏa thuận chia nhau chị Lò Thị S lấy 01 ngôi nhà sàn 04 gian tự tháo dỡ, một két sắt, một máy sát thóc; anh Lò Văn Q lấy một xe máy. Các tài sản vật dụng khác, vật nuôi đều không còn và không yêu cầu giải quyết.

Diện tích đất vườn là 1160 m² được xác nhận quyền sử dụng đất tại bản Toong, xã Pi Toong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Diện tích đất ruộng tên xứ

đồng Na Hang Nong diện tích là 325,5 m² tại bản Toong, xã Pi Toong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Chị yêu cầu chia đôi.

Về nợ chung: Nợ Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Mường La, tỉnh Sơn La khoản vay theo chương trình hộ nghèo số tiền gốc là 22.000.000đ, anh Lò Văn Q phải trả nợ cho Ngân hàng. Nợ bà Lò Thị Đ (mẹ chồng): 800.000 đồng, nợ anh Lò Văn K (em trai chị S): 1.500.000 đồng, nợ ông Lò Văn H (bố chị S): 5.000.000 đồng, nợ anh Lò Văn T (em rể anh Q): 200.000 đồng. Nợ bà Trịnh Thị T ở tiểu khu 1, thị trấn Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La: 1.500.000 đồng.

Chị S yêu cầu anh Lò Văn Q trả nợ cho Ngân hàng chính sách, số nợ còn lại chị S sẽ thanh toán và trả nợ.

Bị đơn anh Lò Văn Q trình bày:

Về tình cảm: Anh xác nhận về quan hệ hôn nhân và công nhận mâu thuẫn vợ chồng như chị Lò Thị S trình bày, anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng về việc ly hôn anh không nhất trí.

Về con chung: Anh chị có hai con là cháu Lò Thị T, sinh ngày 12/11/2009; Lò Văn T, sinh ngày 08/03/2010, anh xin trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cả hai cháu. Anh không yêu cầu chị Lò Thị S cấp dưỡng nuôi con và cũng tùy vào nguyện vọng của các con.

Về tài sản chung: Hai vợ chồng đã thỏa thuận chia nhau, chị Lò Thị S lấy 01 ngôi nhà sàn 04 gian tự tháo dỡ, một kết sắt, một máy sát thóc; anh Lò Văn Q lấy một xe máy. Các tài sản vật dụng khác, vật nuôi đều không còn và không yêu cầu giải quyết.

Diện tích đất vườn là 1160 m² được xác nhận quyền sử dụng đất tại bản Toong, xã Pi Toong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Diện tích đất ruộng tên xứ đồng Na Hang Nong diện tích là 325,5 m² tại bản Toong, xã Pi Toong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Anh Lò Văn Q yêu cầu được sở hữu hết. Anh Lò Văn Q trình bày việc mua đất trong thời kỳ hôn nhân, nhưng anh trả tiền mua nhiều hơn chị Lò Thị S. Anh Q trình bày đất vườn là 1160 m² anh đã thuê máy san mặt bằng hết 5.000.000đ, nếu chị Lò Thị S đòi chia đất phải trả cho anh tiền san mặt bằng.

Về nợ chung: Nợ Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Mường La, tỉnh Sơn La khoản vay theo chương trình hộ nghèo số tiền gốc là 22.000.000đ, anh Lò Văn

Q phải trả nợ cho Ngân hàng. Nợ bà Lò Thị Đ (mẹ chồng): 800.000 đồng, nợ anh Lò Văn K (em trai chị S): 1.500.000 đồng, nợ ông Lò Văn H (bố chị S): 5.000.000 đồng, nợ anh Lò Văn T (em rể anh Q): 200.000 đồng. Nợ bà Trịnh Thị T ở tiểu khu 1, thị trấn Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La: 1.500.000 đồng.

Chị Lò Thị S yêu cầu anh Lò Văn Q trả nợ cho Ngân hàng chính sách, còn lại chị S sẽ trả.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Mường La, tỉnh Sơn La trình bày: Căn cứ sổ vay vốn mã khách hàng 7093176449 tính đến ngày 16/5/2019 anh Lò Văn Q còn nợ tiền gốc là 22.000.000 đồng, theo chương trình trình hỗ trợ người nghèo. Nay hai người ly hôn Ngân hàng yêu cầu anh Lò Văn Q là người phải trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lò Thị Đ trình bày:* Hai vợ chồng anh Lò Văn Q, chị Lò Thị S nợ tiền mua thịt trâu với số tiền 800.000đ, bà yêu cầu phải trả cho bà, không yêu cầu tính lãi.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lò Văn K trình bày:* Khoảng năm 2015, anh cho vợ chồng anh Q, chị S vay số tiền 1.500.000 đồng, anh yêu cầu phải cho trả anh, anh không tính lãi.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lò Văn H trình bày:* Cuối năm 2010 đầu năm 2011, ông cho vợ chồng anh Lò Văn Q, chị Lò Thị S vay số tiền 5.000.000 đồng, do lúc đó anh Lò Văn Q bị tai nạn, nay hai người ly hôn yêu cầu anh Lò Văn Q, chị Lò Thị S phải trả cho ông và không tính lãi.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lò Văn T trình bày:* Vợ chồng anh Lò Văn Q, chị Lò Thị S nợ tiền thịt trâu 200.000 đồng. Nay hai người ly hôn yêu cầu anh Lò Văn Q, chị Lò Thị S phải trả số tiền gốc 200.000 đồng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị T trình bày:* Năm 2015, hai vợ chồng anh Lò Văn Q, chị Lò Thị S mua hàng của gia đình bà số tiền hiện nay nợ là 1.500.000 đồng. Nay hai người ly hôn yêu cầu anh Lò Văn Q, chị Lò Thị S phải trả số tiền 1.500.000 đồng và không tính lãi.

Tại bản án số: 31/2019/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La đã xét xử và quyết định: Áp dụng khoản

1 Điều 56, Điều 59, Điều 62, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân gia đình; Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lò Thị S được ly hôn anh Lò Văn Q.

Về con chung: Giao cho chị Lò Thị S trực tiếp nuôi cháu Lò Thị T, sinh ngày 12/11/2009; giao cho anh Lò Văn Q trực tiếp nuôi cháu Lò Văn T, sinh ngày 08/03/2010 và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

Về tài sản riêng: Điều không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chấp nhận các đương sự đã phân chia tài sản xong như sau: Chị Lò Thị S lấy 01 ngôi nhà sàn 04 gian tự tháo dỡ, một két sắt, một máy sát thóc; anh Lò Văn Q lấy một xe máy. Các tài sản vật dụng khác, vật nuôi đều không còn và không yêu cầu giải quyết.

- Diện tích đất vườn là 1160m² được xác nhận quyền sử dụng đất tại bản Toong, xã Pi Toong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La được chia:

Chị Lò Thị S được sử dụng diện tích 580m², các phía tiếp giáp: Phía giáp đất anh Cà Văn V 116m; phía giáp đất anh Lò Văn Q 116m; phía trước giáp mặt đường dân sinh 5m; phía sau giáp đất rừng ma 5m.

Anh Lò Văn Q được sử dụng diện tích 580m², các phía tiếp giáp: Phía giáp đất chị Lò Thị S 116m; phía giáp đất anh Cà Văn T 116m; phía trước giáp mặt đường dân sinh 5m; phía sau giáp đất rừng ma 5m.

- Diện tích 325,5m² đất ruộng tên xứ đồng “ Nà Hang Nong” tại bản Toong, xã Pi Toong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La được chia:

Chị Lò Thị S được sử dụng diện tích 162,75m², các phía tiếp giáp: Phía giáp đất ruộng anh Lò Văn Q 15,5m; phía giáp đất ruộng anh Lò Văn D 15,5m; phía giáp đất ruộng anh Lò Văn M 10,5m; phía giáp đất ruộng anh Vì Văn B 10,5m.

Anh Lò Văn Q được sử dụng diện tích 162,75m², các phía tiếp giáp: Phía giáp đất ruộng chị Lò Thị S 15,5m; phía giáp đất ruộng anh Lò Văn P 15,5m (phía

suối); phía giáp đất ruộng anh Lò Văn M 10,5m; phía giáp đất ruộng anh Vì Văn B 10,5m.

Về nợ chung: Chị Lò Thị S có trách nhiệm trả nợ cho: Bà Lò Thị Đ 800.000 đồng (tám trăm nghìn đồng); anh Lò Văn K 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng); ông Lò Văn H 5.000.000 đồng (năm triệu đồng); anh Lò Văn T 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng); bà Trịnh Thị T 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng).

Chị Lò Thị S có trách nhiệm thanh toán trả cho anh Lò Văn Q 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền san mặt bằng thửa đất.

Anh Lò Văn Q có trách nhiệm trả nợ cho: Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Mường La, tỉnh Sơn La khoản vay theo chương trình hộ nghèo số tiền gốc là 22.000.000 đồng (hai mươi hai triệu đồng) và lãi phát sinh theo sổ vay vốn mã khách hàng 7093176449.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02 tháng 7 năm 2019 bị đơn anh Lò Văn Q có đơn kháng cáo không nhất trí với bản án về phần tài sản chung, nợ chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ý kiến tranh luận của bị đơn anh Lò Văn Q, giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Đề nghị chia đôi khoản nợ chung đối với Ngân hàng chính sách. Đối với khoản nợ ông H anh không biết, không được sử dụng nên đồng ý trả nợ. Về tài sản chung đề nghị chia theo số tiền anh đã bỏ ra để mua đất.

Ý kiến tranh luận của nguyên đơn: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lò Văn H không có ý kiến tranh luận.

Kiểm sát viên phát biểu, quá trình thực hiện tố tụng của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo trình tự tố tụng, quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên như sau.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Không chấp nhận kháng

cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định.

[1] Về tài sản chung chị Lò Thị S, anh Lò Văn Q đã thống nhất, được Tòa án cấp sơ thẩm công nhận gồm các loại tài sản sau: Một ngôi nhà sàn bốn gian tự tháo rời, một kết sắt, một máy sát thóc, một xe máy; 1160m² đất vườn; 325,5m² đất ruộng tên xứ đồng “Nà Hang Nong”.

Đối với tài sản chung gồm một ngôi nhà sàn bốn gian tự tháo rời, một kết sắt, một máy sát thóc, một xe máy, các đương sự đã tự phân chia chị Lò Thị S lấy một ngôi nhà sàn bốn gian tự tháo rời, một kết sắt, một máy sát thóc; anh Lò Văn Q lấy một xe máy. Các tài sản vật dụng khác, vật nuôi đều không còn và không yêu cầu giải quyết. Toàn bộ số tài sản nêu trên các đương sự không có kháng cáo, không bị kháng nghị cần được giữ nguyên.

Đối với tài sản chung gồm diện tích đất vườn 1160m²; diện tích 325,5m² đất ruộng tên xứ đồng “Nà Hang Nong”. Xét kháng cáo của anh Lò Văn Q đối với những tài sản trên, Hội đồng xét xử nhận thấy về nguồn gốc đất do anh Lò Văn Q, chị Lò Thị S nhận chuyển nhượng lại của ông Lò Văn C và ông Lò Văn L vào năm 2013 và 2014, đã thanh toán xong giá trị đất theo biên bản xác minh của Tòa án cấp sơ thẩm đối với ông Lò Văn C và Lò Văn L. Diện tích đất trên đều chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, người đang sử dụng đất là hợp pháp. Xét thấy đây là tài sản được mua trong thời kì hôn nhân; ông Lò Văn C, ông Lò Văn L xác định chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh Q và chị S nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của anh Q cho rằng đã trả trước số tiền mua đất cho ông C, ông L vào trước thời kỳ hôn nhân.

[2] Xét kháng cáo của anh Lò Văn Q đối với phần nợ chung: Tại biên bản xác minh ngày 19/6/2019 của Tòa án cấp sơ thẩm, xác định anh Lò Văn Q còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện Mường La số tiền nợ gốc 22 triệu đồng. Tại cấp sơ thẩm anh Q và chị S tự nguyện phân chia phần nợ chung, nay anh Q yêu cầu chị S trả tiền gốc và lãi đối với khoản nợ vay Ngân hàng chính sách 40 triệu

đồng đã tất toán xong đối với Ngân hàng trong thời kì hôn nhân là không có cơ sở để chấp nhận. Đối với khoản nợ ông Lò Văn H 5.000.000 đồng chị S khai vay mục đích để chăm sóc anh Q khi bị bệnh nên cần xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng, do anh Q không đưa ra được các căn cứ chứng minh.

[3] Đối với yêu cầu của anh Lò Văn Q buộc chị Lò Thị S thanh toán số tiền chăm sóc hai con khi chị S bỏ nhà đi. Xét đây là nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên của cha, mẹ theo Điều 71 Luật Hôn nhân và gia đình nên không chấp nhận yêu cầu của anh Lò Văn Q.

Từ sự phân tích nêu trên, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Lò Văn Q, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

[4] Về án phí: Anh Lò Văn Q phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Lò Văn Q, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2019/HNGĐ-ST ngày 28/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La như sau:

1.Về tài sản chung: Chấp nhận các đương sự đã phân chia tài sản xong như sau: Chị Lò Thị S được sở hữu 01 ngôi nhà sàn 04 gian tự tháo dỡ, một két sắt, một máy sát thóc; anh Lò Văn Q lấy một xe máy. Các tài sản vật dụng khác, vật nuôi đều không còn và không yêu cầu giải quyết.

- Diện tích đất vườn là 1160m² được xác nhận quyền sử dụng đất tại bản Toong, xã Pi Toong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La được chia:

Chị Lò Thị S được sử dụng diện tích 580m², các phía tiếp giáp: Phía giáp đất anh Cà Văn V 116m; phía giáp đất anh Lò Văn Q 116m; phía trước giáp mặt đường dân sinh 5m; phía sau giáp đất rừng ma 5m.

Anh Lò Văn Q được sử dụng diện tích 580m², các phía tiếp giáp: Phía giáp đất chị Lò Thị S 116m; phía giáp đất anh anh Cà Văn T 116m; phía trước giáp mặt đường dân sinh 5m; phía sau giáp đất rừng ma 5m.

- Diện tích 325,5m² đất ruộng tên xứ đồng “ Nà Hang Nong” tại bản Toong, xã Pi Toong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La được chia:

Chị Lò Thị S được sử dụng diện tích 162,75m², các phía tiếp giáp: Phía giáp đất ruộng anh Lò Văn Q 15,5m; phía giáp đất ruộng anh Lò Văn D 15,5m; phía giáp đất ruộng anh Lò Văn M 10,5m; phía giáp đất ruộng anh Vì Văn B 10,5m.

Anh Lò Văn Q được sử dụng diện tích 162,75m², các phía tiếp giáp: Phía giáp đất ruộng chị Lò Thị S 15,5m; phía giáp đất ruộng anh Lò Văn P 15,5m (phía suối); phía giáp đất ruộng anh Lò Văn M 10,5m; phía giáp đất ruộng anh Vì Văn B 10,5m.

2. Về nợ chung:

Chị Lò Thị S có trách nhiệm trả nợ cho: Bà Lò Thị Đ 800.000 đồng (tám trăm nghìn đồng); anh Lò Văn K 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng); ông Lò Văn H 5.000.000 đồng (năm triệu đồng); anh Lò Văn T 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng); bà Trịnh Thị T 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng).

Chị Lò Thị S có trách nhiệm thanh toán trả cho anh Lò Văn Q 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền san mặt bằng thửa đất.

Anh Lò Văn Q có trách nhiệm trả nợ cho: Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Mường La, tỉnh Sơn La khoản vay theo chương trình hộ nghèo số tiền gốc là 22.000.000 đồng (hai mươi hai triệu đồng) và lãi phát sinh theo sổ vay vốn mã khách hàng 7093176449.

3. Về án phí: Anh Lò Văn Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số: 0000884 ngày 9/7/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về quan hệ hôn nhân, con chung, án phí, không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án. (Ngày 26/8/2019).

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sơn La;
- TAND huyện Mường La, tỉnh Sơn La;
- Chi cục THADS huyện Mường La, tỉnh Sơn La;
- Các đương sự;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Tuấn Long